

CÔNG TY TNHH TTC VINA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TTC VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TTC VINA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TTC VINA CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 2400920012

3. Ngày thành lập: 17/09/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 62, Thôn Sòi, Xã Đồng Sơn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0968247219

Fax:

Email: ttcvina9999@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
5.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
6.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
7.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
8.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
9.	Sản xuất đường	1072
10.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
11.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
12.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
13.	Sản xuất chè	1076
14.	Sản xuất cà phê	1077
15.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
16.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
17.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
18.	Sản xuất rượu vang	1102
19.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
20.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
21.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
22.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
23.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
24.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410

25.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
26.	Đúc sắt, thép	2431
27.	Đúc kim loại màu	2432
28.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610(Chính)
29.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
30.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
31.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
32.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
33.	Sản xuất đồng hồ	2652
34.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
35.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
36.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
37.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
38.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
39.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
40.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
41.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
42.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
43.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
44.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
45.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
46.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
47.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
48.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
49.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
50.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
51.	Cơ sở lưu trú khác	5590
52.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
53.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
54.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
55.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
56.	Chuyến phát	5320
57.	Giáo dục nhà trẻ	8511
58.	Giáo dục mẫu giáo	8512
59.	Giáo dục tiểu học	8521
60.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
61.	Giáo dục trung học phổ thông	8523

62.	Đào tạo sơ cấp	8531
63.	Đào tạo trung cấp	8532
64.	Đào tạo cao đẳng	8533
65.	Đào tạo đại học	8541
66.	Đào tạo thạc sỹ	8542
67.	Đào tạo tiến sỹ	8543
68.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
69.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
70.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
71.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
72.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
73.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
74.	Hoạt động thể thao khác	9319
75.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
76.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
77.	Hoạt động của các hiệp hội kinh doanh và nghiệp chủ	9411
78.	Hoạt động của các hội nghề nghiệp	9412
79.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
80.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
81.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
82.	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ	9632
83.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
84.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
85.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
86.	Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế	9900
87.	Bảo hiểm nhân thọ	6511
88.	Bảo hiểm phi nhân thọ	6512
89.	Bảo hiểm sức khỏe	6513
90.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động đấu giá)	6820
91.	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế	6920
92.	Quảng cáo	7310
93.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
94.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
95.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
96.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830

97.	Đại lý du lịch	7911
98.	Điều hành tua du lịch	7912
99.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
100.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
101.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
102.	Dịch vụ điều tra	8030
103.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
104.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
105.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
106.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
107.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
108.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
109.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
110.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
111.	Dịch vụ đóng gói	8292
112.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu hàng hóa công ty kinh doanh và sản xuất	8299

6. Vốn điều lệ: 1.900.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRỊNH VĂN GIỚI

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *01/07/1990*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *121847497*

Ngày cấp: *21/08/2015*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Bắc Giang*

Địa chỉ thường trú: *Số 62, Thôn Sòi, Xã Đồng Sơn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 62, Thôn Sòi, Xã Đồng Sơn, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang*